

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/DS – PT

Ngày: 25-11-2019

V/v : Tranh chấp QSD đất và yêu cầu

BTTH ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến;
Ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Cần – Kiểm sát viên.

Ngày 25-11-2019, tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G’long, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T– Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần T – là Luật sư Văn phòng luật sư P, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số a, đường N, ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Anh T; Địa chỉ: Đường T, tổ a, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông. Hiện nay đang công tác tại: Khu bảo tồn thiên nhiên N, thôn a, xã N, huyện Đ3, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Đồng Thị L, địa chỉ: Tổ a, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Anh Đồng Văn H; chị Đồng Thị Q – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Tân T, xã Q, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L, chị Q, anh H: Bà Phạm Thị T, địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – theo giấy uỷ quyền ngày 23/02/2018 – Có mặt.

Bà Nguyễn Thị T1

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: ông Dương Anh T – theo giấy uỷ quyền ngày 04/3/2019. Cùng địa chỉ: Đường T, tổ a, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Vũ Văn T – Vắng mặt.

Bà Hoàng Thị V – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ a, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phạm Thị T – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30-10-2017; đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/01/2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Năm 1994, vợ chồng bà có khai hoang thửa đất diện tích đất khoảng 1,6ha, tọa lạc tại xã Đ1, huyện Đ1 (*nay là xã Đ2, huyện Đ2*), đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường be; phía Tây giáp sinh; phía Nam giáp đất bà N; phía Bắc giáp đất ông Vũ Văn T (*nay đã chuyển nhượng cho ông Dương Anh T*).

Sau khi khai hoang xong, năm 1997 trồng cây cà phê trên toàn bộ diện tích đất, giáp đất ông Vũ Văn T trồng một hàng Điều từ đường be xuống đến sinh, ranh giới đất giữa hai gia đình là một hàng cây rừng cách hàng cây Điều khoảng 2m đến 2,5m.

Năm 2000, vợ chồng bà ly hôn và thỏa thuận chia đất mỗi người 700 cây cà phê tương đương $\frac{1}{2}$ thửa đất, vị trí đất bà được chia giáp đất ông Vũ Văn T, phần đất ông H1 giáp đất bà N. Năm 2003, ông H1 cho con trai là Đồng Văn H toàn bộ diện tích đất ông H1 được chia.

Năm 2005, anh Đồng Văn H đã cho bà T toàn bộ diện tích đất trên, ngày 14/7/2005, bà được Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) huyện Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt GCNQSDĐ*) số AB 293451 thửa đất số 48, tờ bản đồ số 36, diện tích 15.923m², mang tên hộ bà Phạm Thị T.

Đến tháng 6/2017, ông Dương Anh T đã chặt 05 cây điều trồng từ năm 1997 để lấn chiếm sang phần đất của bà khoảng 245,7m² có tứ cận: phía Đông giáp đường dài khoảng 3,5m; phía Tây giáp sinh dài khoảng 2m; phía Nam giáp đất bà T đang sử dụng dài khoảng 90m; phía Bắc giáp đất ông Dương Anh T đang sử dụng dài khoảng 90m.

Sau khi chặt phá 05 cây điều, ông Dương Anh T đã lấn chiếm đất trồng cây cà phê và cây bơ, ngoài ra ông Dương Anh T còn đẽo vỏ 03 cây điều trồng năm 1997, gây thiệt hại đến kinh tế là 90.000.000 đồng, cụ thể là $50\text{kg}/\text{cây}/\text{năm} \times 35.000\text{đ}/\text{kg} \times 08 \text{ cây} \times 06 \text{ năm} = 84.000.000\text{đ}$ và 6.000.000đ tiền cây trồng lại và chăm sóc. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông Dương Anh T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng $245,7\text{m}^2$; bồi thường 90.000.000 đồng đối với 08 cây điều bị chặt, đẽo vỏ và 3.000.000 đồng chi phí đi lại, tiền công bị mất trong thời gian giải quyết tranh chấp.

Bị đơn ông Dương Anh T trình bày:

Năm 2002, ông Dương Anh T có nhận chuyển nhượng đất của ông Vũ Văn T diện tích đất theo giấy tờ mua bán là 2,5ha có tứ cận: phía Đông giáp đường đất; phía Tây giáp sinh; phía Nam giáp đất ông B; phía Bắc giáp đất bà T. Thời điểm nhận chuyển nhượng ông Dương Anh T chưa được cấp GCNQSDĐ. Quá trình sử dụng gia đình ông đã kê khai xin cấp GCNQSDĐ, đến ngày 14/7/2005, được UBND huyện Đắk Nông cấp GCNQSDĐ mang tên hộ bà Nguyễn Thị T1 (*vợ ông Dương Anh T*) thửa đất số 61 tờ bản đồ số 36 với diện tích 15.043m^2 cấp cùng thời điểm với bà T. Diện tích đất được cấp ít hơn diện tích đất thực tế nhận chuyển nhượng và sử dụng, tại thời điểm cấp đất trong sổ hộ khẩu chỉ có tên bà T1 và hai con sinh năm 2003 và 2005.

Thời điểm nhận chuyển nhượng đất, ranh giới giữa gia đình ông với đất của bà T có một hàng Dừa (thơm), sau này do không thường xuyên phát dọn nên cây rừng mọc lại, hiện nay phía giáp sinh vẫn còn các cây gỗ to hai bên thống nhất để lại làm ranh giới.

Do các cây điều trên đất của bà T sát bờ ranh, tán cây to lan sang vườn cà phê của gia đình ông, nên ông chặt cành để lấy ánh sáng, hơn nữa cây điều có nhiều sâu róm, nên ông có đẽo vỏ 03 cây phía cuối rẫy trên phần đất không có tranh chấp, nhưng hiện nay 03 cây điều vẫn còn sống. Ông không thừa nhận chặt 05 cây điều của bà T và cho rằng 05 cây điều này nằm trong hành lang đường điện hạ thế nên bị chặt và được bồi thường từ năm 2010-2012, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Việc bà T khởi kiện cho rằng ông chặt 05 cây điều để lấn chiếm diện tích đất $247,5\text{m}^2$ là không có căn cứ, ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T

Tại bản án sơ thẩm số: 21/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'Long, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với diện tích đất tranh chấp $87,1\text{m}^2$, có tứ cận:

- Phía đông giáp đường đất dài 2,91m;
- Phía tây giáp ranh đất ông Dương Anh T, bà T không tranh chấp dài 0m;
- Phía bắc giáp đất bà T đang sử dụng dài 79,36m;
- Phía nam giáp đất ông Dương Anh T đang sử dụng dài 79,36m.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về phần bồi thường thiệt hại. Buộc ông Dương Anh T phải bồi thường cho bà T 445.200 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 92.554.800 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18-9-2019, bà Phạm Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Dương Anh T phải trả lại đất đã lấn chiếm, bồi thường thiệt hại 08 cây điều bị chặt phá và bồi thường 3.000.000 đồng chi phí đi lại, thu nhập bị mất trong thời gian giải quyết tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và lời khai như trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T, sửa bản án sơ thẩm số: 21/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long theo hướng buộc ông Dương Anh T phải bồi thường cho bà T giá trị 05 cây bị chặt phá theo kết quả định giá của Hội đồng định giá huyện Đ1

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đối với yêu cầu kháng cáo buộc ông Dương Anh T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 87,1m². Hội đồng xét xử xét thấy, về nguồn gốc đất hiện nay bà T đang sử dụng và có một phần đang tranh chấp là do vợ chồng bà T khai hoang năm 1994. Năm 1997 trồng cà phê, phía giáp đất ông Vũ Văn T trồng một hàng điều, mốc ranh giới giữa hai gia đình là một hàng cây rừng cách hàng cây Điều khoảng 2m đến 2,5m. Ngày 14/7/2005, được UBND huyện Đ1 cấp GCNQSDĐ số AB 293451 thửa đất số 48, tờ bản đồ số 36, diện tích 15.923m², mang tên hộ bà Phạm Thị T (BL 06).

[1.1]. Nguồn gốc đất gia đình ông Dương Anh T đang sử dụng là nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn T, bà Hoàng Thị V, diện tích đất tương đương

2,5ha (BL 98). Ngày 14/7/2005, được UBND huyện Đ2 cấp GCNQSDĐ số AB 293461, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 36, diện tích 15.043m², mang tên hộ bà Nguyễn Thị T (BL 97), diện tích còn lại chưa được cấp GCNQSDĐ.

[1.2]. Tại bản trích đo địa chính ngày 20/3/2019 thể hiện: Diện tích đất thực tế bà T đang sử dụng là 16.657m²; diện tích đất thực tế gia đình ông Dương Anh T đang sử dụng là 22.619m², trong đó có 7.576m² chưa được cấp giấy chứng nhận. Kết quả lồng ghép giữa GCNQSDĐ cấp cho bà Phạm Thị T và hộ bà Nguyễn Thị T thì diện tích đất bà Phạm Thị T được cấp giấy chứng nhận tương đối phù hợp với diện tích đất thực tế bà Phạm Thị T đang sử dụng, cụ thể: Diện tích đất được cấp là 15.923m²; thực tế đang sử dụng là: 16.657m², nhiều hơn so với giấy chứng nhận là: 734m² nhưng phần đất này không có tranh chấp. Diện tích đất hiện đang tranh chấp 87,1m² nằm hoàn toàn trên phần đất gia đình ông Dương Anh T đang sử dụng đã được cấp GCNQSDĐ. Riêng diện tích đất 7.576m² gia đình ông Dương Anh T chưa được cấp giấy chứng nhận không nằm liền kề với đất bà T và cũng không có tranh chấp (BL 114). Mặt khác, tại phiên toà phúc thẩm bà T thừa nhận 05 gốc cây điều bị chặt phá nằm hoàn toàn trên vị trí đất bà T đang sử dụng. Trước đây ông Dương Anh T chặt cây điều của bà mục đích để lấn chiếm đất, nhưng khi xem xét thẩm định tại chỗ ông Dương Anh T thừa nhận phần đất có 05 cây điều bị chặt nằm trên đất của bà T và không có tranh chấp. Như vậy, diện tích đất tranh chấp nằm hoàn toàn trong phần đất gia đình ông Dương Anh T đang sử dụng và đã được cấp GCNQSDĐ, đất của bà T và gia đình ông Dương Anh T được cấp giấy chứng nhận cùng thời điểm, nên ông T không có hành vi lấn chiếm đất của bà T. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T buộc ông Dương Anh T phải bồi thường thiệt hại 08 cây điều với tổng số tiền là 90.000.000đ và 3.000.000đ tiền chi phí đi lại và mất thu nhập trong thời gian giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tài sản trên đất tranh chấp có 03 cây cà phê trồng tháng 6/2017 và 02 cây bơ trồng năm 2017. Tài sản bà T yêu cầu bồi thường thiệt hại là các cây điều vị trí trên đất bà T đang sử dụng; cách ranh giới hai thửa đất bà T và ông Dương Anh T cùng thống nhất khoảng 40cm có 03 cây điều trồng năm 1994 bị đèo sát vỏ và sát đất đang chết (BL 57, 58). Quá trình giải quyết ông Dương Anh T thừa nhận do cây điều của bà T sát bờ ranh tán lá cây to lan sang vườn nhà ông, sâu nhiều làm hư cây cà phê, nên ông đèo vỏ 03 cây phía cuối rẫy, chứ không chặt 05 cây điều của bà T (BL 81, 82).

Tuy nhiên, Tại biên bản xác minh vụ việc ngày 21/6/2017 thể hiện: Nhận được tin báo của bà T về việc bị ông Dương Anh T vườn liền kề chặt và đèo vỏ cây điều. Công an viên thôn b, xã Đ đã có mặt tại hiện trường thấy có 03 cây điều đường kính vanh từ 75-85cm, bị đèo vỏ xung quanh cách mặt đất từ 10cm -12cm và 05 cây điều bị chặt đường vanh từ 57cm - 65cm đã bị chặt cách mặt đất từ 10cm - 01m (BL 66).

Tại biên bản xác minh ngày 27/02/2019, Công an viên thôn b, xã Đ ghi nhận 03 cây điều bị đèo vỏ vào đến lõi gỗ xung quanh thân cây, độ dài của vết

đeo từ trên xuống khoảng 20cm thân cây đang xì mủ, 05 cây điều bị chặt cùng thời điểm với 03 cây bị đeo võ, gốc cây còn xì mủ, nhưng phần thân và ngọn đã được dọn đi chỗ khác (BL 99). Như vậy, mặc dù ông Dương Anh T không thừa nhận chặt 05 cây điều của bà T, ông chỉ thừa nhận có đeo võ 03 cây điều, nhưng với những chứng cứ trên thì 05 cây điều bị chặt cùng thời điểm với 03 cây bị đeo võ, nên có căn cứ xác định ông Dương Anh T chặt 05 cây điều của bà T. Việc ông cho rằng 05 cây điều của bà T bị chặt là do làm đường điện hạ thế và đã được đền bù vào khoảng năm 2010 – 2012, nhưng ông cũng không có chứng cứ gì chứng minh, lời khai của ông cũng không được bà T thừa nhận. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T đối với 05 cây điều bị chặt là chưa phù hợp, nên kháng cáo của bà T đối với nội dung này là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, bà T yêu cầu ông Dương Anh T bồi thường thiệt hại 08 cây điều với số tiền 90.000.000đ. Xét thấy, quá trình giải quyết, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh 08 cây điều bị chặt phá có giá trị 90.000.000đ. Căn cứ vào kết quả định giá ngày 04/3/2019 thì cây điều kinh doanh năm thứ 3 trở lên có giá 212.000đ/cây, trong số cây trên đã bị đeo võ, có cây phát triển tốt, cây yếu, sâu bệnh phát triển không đồng đều nên được tính 70%. Cụ thể: 08 cây x 212.000đ/cây x 70% = 1.187.200 đồng (BL 103). Do đó, Toà án cấp sơ thẩm và phúc thẩm căn cứ vào kết quả định giá để buộc ông Dương Anh T bồi thường thiệt hại cho bà T là có căn cứ.

[3]. Đối với yêu cầu bồi thường 3.000.000 đồng chi phí đi lại, thu nhập bị mất do tham gia giải quyết tranh chấp. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp.

[4]. Đối với nội dung kháng cáo cho rằng kết quả đo đạc và trích đo địa chính kết hợp lồng ghép do Tòa án cung cấp là chưa đầy đủ tính pháp lý, do đó không thể làm căn cứ để giải quyết vụ án. Xét thấy: Mảnh trích đo địa chính ngày 20-3-2019 do Trung tâm T tỉnh Đắk Nông thực hiện trên cơ sở hợp đồng số 07/2018/HĐ-KT ngày 21/5/2018, do Giám đốc trung tâm ký và đóng dấu. Ngày 10/4/2019, Toà án nhân dân huyện Đắk Glong đã có công văn số 45/CV-TA và số 46/CV-TA về việc cung cấp kết quả đo đạc theo đúng quy định của pháp luật (BL 133, 134). Tại công văn số 34/TTĐĐ-KHKT ngày 26/4/2019 của Trung tâm T tỉnh Đắk Nông cho biết trong hợp đồng số 07/2018/HĐ-KT không có kinh phí kiểm tra nghiệm thu. Mảnh trích đo đơn vị thành lập và cung cấp cho Toà án là đúng mẫu theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT (BL 150). Do đó, Toà án cấp sơ thẩm sử dụng mảnh trích đo địa chính ngày 20-3-2019 để giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

[5]. Đối với nội dung công khai tài chính trong ngày xét xử, xét thấy, tại biên bản nghị án Hội đồng xét xử đã giải quyết đối với tất cả các nội dung trong đó có phần án phí và chi phí tố tụng. Đối chiếu với bản án sơ thẩm là phù hợp, nên kháng cáo của bà T là không có căn cứ.

[6]. Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T, sửa bản án sơ thẩm theo

hướng buộc ông Dương Anh T phải bồi thường cho bà T giá trị 08 cây điều là 1.187.200 đồng.

[7]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là có căn cứ chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà T không phải chịu án phí DSPT, hoàn trả cho bà T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 6, khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T, sửa bản án sơ thẩm số: 21/2019/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với ông Dương Anh T về nội dung yêu cầu ông Dương Anh T trả lại diện tích đất 87,1m².

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về phần bồi thường thiệt hại. Buộc ông Dương Anh T phải bồi thường cho bà T giá trị 08 cây điều (trong đó có 03 cây bị đèo vỡ và 05 cây bị chặt) là 1.187.200 đồng (*Một triệu một trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T yêu cầu ông Dương Anh T bồi thường thiệt hại về tài sản và chi phí đi lại, tiền mất thu nhập trong thời gian giải quyết vụ án với số tiền 91.812.800 đồng (*Chín mươi một triệu tám trăm mười hai nghìn tám trăm đồng*).

4. Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị T phải chịu 14.594.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm chín mươi tư nghìn đồng) chi phí đo đạc đất, được khấu trừ 17.094.000 đồng (*Mười bảy triệu không trăm chín mươi tư nghìn đồng*) bà T đã nộp tạm ứng ngày 11/5/2018. Ông Dương Anh T phải chịu 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do bà T đã nộp tạm ứng trước, nên ông Dương Anh T phải trả lại cho bà T 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Hoàn trả cho bà T

250.000đ (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng chi phí xem xét thẩm định còn lại, nhận tại Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Anh T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng. Bà Phạm Thị T phải chịu 4.590.640 đồng (*Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn sáu trăm bốn mươi đồng*), được trừ 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002054 ngày 04/12/2017 và 2.250.000 (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002107 ngày 16/01/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Bà Phạm Thị T còn phải nộp 1.740.640đ (*Một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn sáu trăm bốn mươi đồng*).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Phạm Thị T 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002754 ngày 23-9-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND Cấp cao tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Chi cục THADS huyện Đắk G'long;
- TAND huyện Đắk G'long ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Thông

